

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc hỗ trợ kinh phí cho người lao động gặp khó khăn  
do đại dịch COVID-19 (đợt 2)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19; Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 4304/STC-NSHX ngày 03/11/2021 và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 3737/SLĐTBXH-VP ngày 02/11/2021.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**

Giải quyết kinh phí thực hiện một số chính sách hỗ trợ đối với 151 đối tượng gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ với tổng số tiền là 374.035.000 đồng (Ba trăm bảy mươi bốn triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn đồng), bao gồm:

- Kinh phí hỗ trợ đối với 74 người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương, số tiền: 251.905.000 đồng;
- Kinh phí hỗ trợ 03 hướng dẫn viên du lịch, số tiền: 11.130.000 đồng;
- Kinh phí hỗ trợ đối với 74 người lao động không có giao kết hợp đồng lao động, đối tượng đặc thù khác theo Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh, số tiền: 111.000.000 đồng.

**2. Nguồn kinh phí để thực hiện:**

- Giao UBND thành phố Vinh, huyện Tương Dương và thị xã Cửa Lò sử dụng nguồn kinh phí dự phòng ngân sách cấp huyện, cấp xã, số tiền: 54.436.000 đồng (Năm mươi bốn triệu, bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng) để chi trả chính sách hỗ trợ cho các đối tượng trên.



- Tạm ứng ngân sách tỉnh, số tiền: 319.599.000 đồng (Ba trăm mười chín triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn đồng) cấp cho các cơ quan, đơn vị để chi trả chính sách hỗ trợ cho các đối tượng trên.

(Có Phụ biểu chi tiết kèm theo)

**Điều 2.** Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Nghệ An làm thủ tục cấp phát, quản lý theo quy định. Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh thu hồi số kinh phí đã tạm ứng từ ngân sách tỉnh theo đúng quy định. Cơ quan đơn vị được cấp kinh phí chịu trách nhiệm tổ chức chi trả cho các đối tượng kịp thời và quyết toán theo chế độ hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Du lịch, Kho bạc Nhà nước Nghệ An; Chủ tịch UBND thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò và huyện Tương Dương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (B/c);
- PCT VX UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- PCVP VX UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (TP, D).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Bùi Đình Long**



PHỤ BIỂU

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG ĐỐI TƯỢNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ QUYẾT 68/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ (Lần thứ 22)

(Kèm theo Quyết định số: 4287/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của UBND tỉnh Nghệ An)

ĐVT kinh phí: Triệu đồng

TT	Đơn vị đề nghị	Tổng số đối tượng	Tổng kinh phí hỗ trợ	Trong đó, đối tượng hỗ trợ:								Số đối tượng	Kinh phí	Số đối tượng	Kinh phí	Sử dụng nguồn dự phòng ngân sách cấp huyện, cấp xã để thực hiện chi trả	Ngân sách tỉnh cấp tạm ứng				
				Người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương														Hướng dẫn viên du lịch		Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động, đối tượng đặc thù khác theo QĐ số 22/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh	
				Số đối tượng	Tổng kinh phí	Bao gồm:				Số đối tượng	Kinh phí							Số đối tượng	Kinh phí		
						Kinh phí hỗ trợ cho người lao động		Hỗ trợ thêm Phụ nữ mang thai												Hỗ trợ thêm người nuôi con, chăm sóc trẻ em dưới 6 tuổi	
Mức 1	Mức 2	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí												
<i>Mức hỗ trợ (triệu đồng)</i>						1,855	3,71		1,00		1,00		3,71		1,5						
A	B	1	2	3	4	4.1	4.2		4.3		4.4	13	14	11	12	13	14=2-13				
1	Thành phố Vinh	42	112,040	42	112,040	66,780	22,260	4	4	19	19		0,00		0,0	16,806	95,234				
2	Huyện Tương Dương	74	111,000	0	0,000	0,000	0,000		0		0		0,00	74	111,0	16,650	94,350				
3	Thị xã Cửa Lò	32	139,865	32	139,865	1,855	115,010		0	23	23		0,00		0,0	20,980	118,885				
4	Sở Du lịch	3	11,130	0	0,000	0,000	0,000		0		0	3	11,13		0,0		11,130				
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>151</b>	<b>374,035</b>	<b>74</b>	<b>251,905</b>	<b>68,635</b>	<b>137,270</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>42</b>	<b>42</b>	<b>3</b>	<b>11,13</b>	<b>74</b>	<b>111,0</b>	<b>54,436</b>	<b>319,599</b>				